

Bản án số: 317/2018/HS-PT
Ngày 11 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Bằng.
2. Bà Trần Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 280/2018/HSPT ngày 28/8/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và đồng bọn. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn L (Ba L)**, sinh năm 1974, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKKHKT: Thôn 02, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn M và bà Đoàn Thị R (đều đã chết). Vợ là Phạm Thị T3, sinh năm 1973; có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2008.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1979, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKKHKT: Thôn 01, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Văn L1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị X, sinh

năm 1950. Vợ là Phạm Thị S1, sinh năm 1980; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKHKTT: Thôn 11, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962. Vợ là Trần Thị Bé V, sinh năm 1987; có 01 con, sinh năm 2013;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018, đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đỗ Minh T1, sinh năm 1995, tại TP. Hồ Chí Minh; Nơi ĐKHKTT: Thôn 11, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đỗ Hải V và bà Trần Thị C1 (Đều đã chết). Vợ là Trương Thị Trúc Đ2, sinh năm 1999; có 01 con, sinh năm 2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018, đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Thanh S (H), sinh năm 1983, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKHKTT: Thôn 04, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị I1, sinh năm 1946. Vợ là Bùi Thị X1, sinh năm 1981; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018, đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Thanh N (B), sinh năm 1992, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKHKTT: Thôn 11, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị K1, sinh năm 1967. Vợ là Trần Thị Bảo K3, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018, đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Huỳnh Đ1, sinh năm 1997, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKHKTT: Thôn 02, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1962.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2018, đến ngày 17/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lê Hữu T2, sinh năm 1990, tại tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKHKTT: Ấp 07, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Công ty TNHH T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông

Lê Văn D, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị Thanh H2, sinh năm 1965. Vợ là Dương Thùy N2, sinh năm 1995.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 09/01/2018 Nguyễn Văn L, Lê Văn T và Huỳnh Đ1, ngồi uống rượu tại nhà ông B1, ở thôn 03, xã I thì L khởi xướng rủ T và Đ1 đến chòi rẫy của anh Trần Văn V ở thôn 11, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đánh tài xỉu ăn tiền. T bảo L và Đ1 đi trước, sau đó L hỏi mượn T bộ xóc tài xỉu, T đồng ý và bảo L về nhà lấy. L điều khiển xe mô tô, hiệu Honda, biển kiểm soát 47P1-180.87 chở Đ1 đến nhà T lấy 01 bát sành, 01 nắp sơn, 03 hột xí ngầu và 01 mảnh bạt rồi cùng Đ1 đi ra rẫy của anh V, tại đây L gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thanh N đến chòi rẫy anh V để đánh bạc. Đến 15 giờ cùng ngày thì Lê Văn T đến và cầm cái xóc tài xỉu được thắng, thua bằng tiền Việt Nam đồng, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2.

Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Văn L mang theo số tiền khoảng 1.000.000 đồng, đánh thua hết nên L mượn của Huỳnh Đ1 500.000 đồng và Nguyễn Văn Đ 200.000 đồng, khi bị bắt L thua hết tiền;

Lê Văn T mang theo số tiền khoảng 1.300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 700.000 đồng, T cầm trên tay bỏ chạy. Đến ngày 11/01/2018 T đến Công an xã I đầu thú và giao nộp số tiền 700.000 đồng;

Huỳnh Đ1 mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, trong lúc đánh bạc thắng và có cho L mượn 500.000 đồng, khi bị bắt còn 1.550.000 đồng;

Lê Hữu T2 mang theo số tiền 260.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 150.000 đồng, vứt lại trên chiếu bạc bỏ chạy;

Nguyễn Thanh S mang theo số tiền 7.000.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng để ở tủ quần trước, 1.000.000 đồng để ở túi quần sau, khi tham gia đánh bạc lấy ra 1.000.000 đồng, đến khi bị bắt còn 1.100.000 đồng;

Nguyễn Thanh N mang theo số tiền 347.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 47.000 đồng;

Đỗ Minh T1 mang theo số tiền 750.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 800.000 đồng;

Nguyễn Văn Đ khai mượn của Nguyễn Ngọc Thạch số tiền 200.000 đồng để đánh bạc nhưng chưa đánh thì L mượn, sau đó L trả lại, Đ dùng số tiền này đánh bạc, khi bị bắt thì thua hết tiền.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, lực lượng Đoàn biên phòng I phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc, với hình thức xóc tài xỉu ăn tiền, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 2.250.000 đồng và thu giữ trên người các đối tượng số tiền 3.497.000 đồng gồm: Huỳnh Đ1 1.550.000 đồng, Nguyễn Thanh S 1.100.000 đồng, Nguyễn Thanh N 47.000 đồng, Đỗ Minh T1 800.000 đồng, là tiền các đối tượng khai dùng để đánh bạc. 01 mảnh bạc màu trắng hình chữ nhật (kích thước 107 x 105)cm, trên mặt có viết các chữ số tự nhiên, số nhỏ nhất là 04 và số lớn nhất là 200; 01 chiếc bát màu trắng, đường kính 09cm; 01 nắp sơn (kích thước 4cm x 6cm); 03 hột xì ngầu có 06 mặt, có chấm dấu tròn các mặt, lần lượt từ 01 chấm đến 06 chấm (kích thước 01cm x 01cm).

Ngoài ra còn thu giữ 09 chiếc điện thoại di động, 07 chiếc xe mô tô các loại và 6.000.000 đồng của Nguyễn Thanh S.

Lê Văn T và Lê Hữu T2 đã bỏ chạy, đến ngày 11/01/2018 thì đến Công an xã I trình diện và giao nộp số tiền 700.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (Bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Đ1 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T1 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu T2 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 17/01/2018.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19, 23, 24, 26 tháng 7 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Nguyễn Thanh S, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2, Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh S về tội “Đánh bạc” là đúng người

đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh S thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo xin được hưởng án treo, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh S cho các bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, sửa bản án sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp về phần hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2. Tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[1] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, khoảng 15 giờ, ngày 09/01/2018 Nguyễn Văn L rủ Lê Văn T, Huỳnh Đ1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thanh N. Sau đó có Lê Hữu T2 và Đỗ Minh T1 đến chòi rẫy của anh Trần Văn V ở thôn 11, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đánh tài xỉu ăn tiền thì các đối tượng đều đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, lực lượng Đoàn biên phòng I phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 2.250.000 đồng, thu giữ trên người các đối tượng số tiền 3.497.000 đồng, bị cáo T giao nộp số tiền 700.000 đồng. Tổng cộng số tiền các con bạc dùng để đánh bạc là 6.447.000 đồng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Huỳnh Đ1 và Lê Hữu T2 (mỗi bị cáo) 06 (sáu) tháng tù, Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù, Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật là tương xứng với tính chất mức độ do hành

vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Cần phân tích nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là người rủ rê các con bạc đến để cùng tham gia đánh bạc, bị cáo Lê Văn T là người cầm cái xóc tài xỉu cho các con bạc tham gia đánh bạc nên bị cáo L và bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 09 tháng tù, bị cáo T 07 tháng tù và các bị cáo Huỳnh Đ1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1 và Lê Hữu T2 (mỗi bị cáo) 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” là có căn cứ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo, sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn hạn chế về nhận thức pháp luật. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, sau khi được tại ngoại về sinh sống tại địa phương các bị cáo chấp hành tốt. Hội đồng xét xử nên cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp về phần hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Huỳnh Đ1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1 và Lê Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T Huỳnh Đ1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1 và Lê Hữu T2.

Sửa án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp về phần hình phạt.

[2] Tuyên xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Đ1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu T2 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Đ1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1, Nguyễn Văn L và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo Lê Hữu T2 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T, Huỳnh Đ1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Minh T1 và Lê Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyền định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Những người TGTT;
- Các bị cáo;
-
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tùng